

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 12 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Khoản 2, Điều 2, Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 64 /TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (như Phụ lục kèm theo).

2. Cơ quan, đơn vị thu phí:

a) Kho bạc Nhà nước tỉnh và Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm thu phí tại Mục I, Mục II và Mục IV Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Nhiệm vụ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.

b) Các Trung tâm Quản lý cửa khẩu trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn thu phí quy định tại Mục III Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

c) Các lực lượng tại cửa khẩu có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tờ khai nộp phí của các đối tượng nộp phí và xác định mức thu phí theo quy trình.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia:

a) Toàn bộ số tiền phí thu được tại mục I, mục II và mục IV Phụ lục kèm theo tại Khoản 1 Điều này phải nộp vào ngân sách Nhà nước, được điều tiết 100% cho ngân sách tỉnh và sử dụng theo quy định hiện hành.

b) Số tiền phí thu được đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa sang tải tại bến bãi không đi vào nội địa (tại Mục III Phụ lục kèm theo tại Khoản 1 Điều này), tổ chức thu phí được để lại 60% (sáu mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho công tác tổ chức thu phí và bù đắp chi phí duy tu, cải tạo, nâng cấp, duy trì các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực cửa khẩu; số còn lại 40% (bốn mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước và được điều tiết 100% cho ngân sách tỉnh.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP Tỉnh ủy;
- C, PCVP, các phòng HĐND tỉnh;
- C, PCVP, các phòng VP UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn, Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm

Phụ lục:
**Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ,
 tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

(Kèm theo Nghị quyết số 01 /2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Phương tiện chịu phí	Mức thu phí (đồng/xe/lần ra, vào)
I	Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (bao gồm phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải chở các mặt hàng tạm nhập nguyên liệu để gia công cho đối tác nước ngoài, xuất sản phẩm gia công cho đối tác nước ngoài, nhập nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu, xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu trong và ngoài khu vực cửa khẩu; hàng tạm nhập tham gia Hội chợ, triển lãm, tạm nhập tái xuất để sửa chữa)	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 02 tấn, xe ba bánh và các loại xe tương tự chở hàng hóa xuất khẩu là rau, củ tươi các loại.	100.000
2	Xe ô tô có trọng tải dưới 02 tấn, xe ba bánh và các loại xe tương tự chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (không thuộc đối tượng 1 nêu trên).	150.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 02 đến dưới 04 tấn	200.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	300.000
5	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	500.000
6	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	800.000
7	Xe ô tô chở quặng xuất khẩu	Nhân hệ số 5 đối với các mức phí trên
II	Phương tiện vận tải chở hàng hóa kinh doanh theo loại hình tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng; hàng hóa có nguồn gốc nước thứ ba	
A	Phương tiện vận tải chở các mặt hàng: hoa quả, nông sản	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	800.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	1.600.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	2.800.000

Số TT	Phương tiện chịu phí	Mức thu phí (đồng/xe/lần ra, vào)
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	4.000.000
B	Phương tiện vận tải chở hàng hóa là hoa quả, nông sản có xuất xứ (nguồn gốc) từ nước hoặc vùng lãnh thổ thứ ba xuất, nhập khẩu qua biên giới	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	400.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	800.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	1.400.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	2.000.000
C	Phương tiện vận tải chở các mặt hàng còn lại	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	1.000.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	2.000.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	3.500.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	5.000.000
III	Đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa sang tải tại bến bãi không đi vào nội địa: Thu bằng 30% các mức thu quy định tại Mục I, II hoặc thu bằng 30% mức thu của phương tiện vận tải chưa sang tải hàng hóa (trừ Khoản 7, Mục I) nêu trên.	
IV	Mức thu phí đối với xe ô tô chở quặng xuất khẩu tại Khoản 7 Mục I (theo sự cho phép của Bộ Công Thương tại Công văn số 748/BCT-CNNg ngày 24/01/2014 về việc xuất khẩu tinh quặng Bauxit tồn kho tại Lạng Sơn) nhân (x) với hệ số 2 đối với các mức giá trên.	
V	Đối với trường hợp trên cùng một phương tiện vận tải mà có nhiều loại hình hàng hóa khác nhau ghép chung trong cùng một container, khi làm thủ tục chuyển khẩu, thì căn cứ tờ khai theo quy định hiện hành, nếu loại hình nào có trị giá khai báo hải quan đối với hàng hóa cao hơn thì áp dụng mức thu phí theo loại hình đó.	
VI	Đối với lô hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng quá cảnh, hàng qua kho ngoại quan mà doanh nghiệp đã nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng (thu đối với phương tiện ra vào cửa khẩu), công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu vào ngân sách nhà nước tỉnh Lạng Sơn nhưng không xuất được hàng qua các cửa khẩu, điểm thông quan, điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu tại điểm thu phí phải chuyển địa điểm xuất thực hiện như sau:	
1	Các điểm xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: Không phải nộp phí bổ sung.	
2	Các điểm xuất ngoài địa bàn tỉnh Lạng Sơn: Không thực hiện hoàn trả phí đã nộp.	